

Thừa Thiên Huế, ngày 02 tháng 4 năm 2024

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**  
Số: 05/GPXD

**1. Cấp cho: Công ty Cổ phần Hàng hải Vsico.**

- Địa chỉ liên hệ: Số 9, ngõ 84 Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Trụ sở văn phòng: Tầng 3, tháp 1 toà nhà Times Tower, số 35 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

**2. Được phép xây dựng một số công trình:** Thuộc dự án đầu tư xây dựng Bến tổng hợp - container số 4 và số 5 cảng Vsico Chân Mây.

- Do Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Thương mại VIPO lập. Chủ nhiệm thiết kế: Ông Bùi Văn Chiến.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Cảng - Đường thủy. Chủ trì thẩm tra Ông Nguyễn Huy Hoàng.

- Đơn vị thẩm định: Công ty Cổ phần Hàng hải Vsico.

- Vị trí xây dựng: Theo tờ bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/2.000, hệ tọa độ VN-2000 do Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp xác nhận ngày 29 tháng 01 năm 2024 kèm theo Hợp đồng thuê đất ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp và Công ty Cổ phần Hàng hải Vsico; vị trí xây dựng các công trình thuộc khu đất ký hiệu KH, VP, HTKT và DV theo Quy hoạch chi tiết xây dựng Bến tổng hợp - container số 4 và số 5 cảng Vsico Chân Mây đã được Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 160/QĐ-KKTCN ngày 03 tháng 8 năm 2023.

- Mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao:

+ Đất công trình xây dựng Kho chứa hàng (ký hiệu KH): Mật độ xây dựng: 70%; Hệ số sử dụng đất: Tối đa 1,4 lần; tầng cao tối đa: 02 tầng.

+ Đất công trình xây dựng Khu văn phòng điều hành (ký hiệu VP): Mật độ xây dựng: 50%; Hệ số sử dụng đất: Tối đa 2,0 lần; tầng cao tối đa: 04 tầng.

+ Đất công trình Khu vực sửa chữa, bảo dưỡng (ký hiệu DV): Mật độ xây dựng: 50%; Hệ số sử dụng đất: Tối đa 0,5 lần; tầng cao tối đa: 01 tầng.

+ Đất công trình hạ tầng kỹ thuật (ký hiệu KTKT): Mật độ xây dựng: 45%; Hệ số sử dụng đất: Tối đa 0,45 lần; tầng cao tối đa: 01 tầng.

- Chỉ giới xây dựng:

+ Đối với đường trục chính cảng Chân Mây (lộ giới 44m): Lùi 10m so với chỉ giới đường đỏ;

+ Đối với các tuyến đường nội bộ của dự án: Chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

+ Đối với ranh giới khu bên bên cạnh: Lùi 05m so với ranh giới khu bên bên cạnh.

- Tổng số công trình: 10 công trình.

### **2.1. Công trình số 1: Nhà văn phòng điều hành và nhà dịch vụ (Ký hiệu số 5A)**

- Theo các bản vẽ thiết kế có ký hiệu: TT-01, TT-02, NDH-KT-01÷NDH-KT-07, NDH-KT-13÷NDH-KT-19, NDH-KC-07÷NDH-KC-13, NDH-KC-21÷NDH-KC-26, NDH-KC-30÷NDH-KC-36, NDH-CD-06÷NDH-CD-11, NDH-CN-01÷NDH-CN-06.

- Diện tích xây dựng: 535,00 m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: 2.140 m<sup>2</sup>.

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,45 m (so với cốt sân nền +0,0m tương ứng cao độ +3,5m hệ cao độ Hải đồ).

- Chiều cao công trình: 21,1 m (tính từ cốt sân nền +0,0m).

- Số tầng: 04.

### **2.2. Công trình số 2: Nhà kho (Ký hiệu số 3)**

- Theo các bản vẽ thiết kế có ký hiệu: KHO-01÷ KHO-11.

- Diện tích xây dựng: 4.200 m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: 4.200 m<sup>2</sup>.

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,15 m (so với cốt sân nền +0,0m tương ứng cao độ +3,5m hệ cao độ Hải đồ).

- Chiều cao công trình: 10,15m (tính từ cốt sân nền +0,0m).

- Số tầng: 01.

### **2.3. Công trình số 3: Xưởng sửa chữa, bảo dưỡng (Ký hiệu số 7)**

- Theo các bản vẽ thiết kế có ký hiệu: TT-01, TT-02, XSC-01÷XSC-05.

- Diện tích xây dựng (tầng 1): 972 m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: 1.202,22 m<sup>2</sup>.

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,3 m (so với cốt sân nền +0,0m tương ứng cao độ +3,5m hệ cao độ Hải đồ).

- Chiều cao công trình: 11,16 m (tính từ cốt sân nền +0,0m).

- Số tầng: 01 tầng + 01 tầng lửng (từ trục 01÷03).

### **2.4. Công trình số 4: Nhà để xe**

\* Nhà để xe ô tô (Ký hiệu 5C)

- Theo các bản vẽ thiết kế có ký hiệu: TT-01, TT-02, NDXOTO-01÷NDXOTO-05, NDXOTO-09, NDXOTO-11.

- Diện tích xây dựng: 200 m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: 200m<sup>2</sup>.
- Cốt nền xây dựng công trình: +0,00 m (so với cốt sân nền +0,0m tương ứng cao độ +3,5m hệ cao độ Hải đồ).
- Chiều cao công trình: 3,24 m (tính từ cốt sân nền + 0,0m).
- Số tầng: 01.
- \* Nhà để xe 2 bánh (Ký hiệu 5B)
  - Theo các bản vẽ thiết kế có ký hiệu: TT-01, TT-02, NDXMAY-01÷NDXMAY-03.
  - Diện tích xây dựng: 126 m<sup>2</sup>.
  - Tổng diện tích sàn: 126 m<sup>2</sup>.
  - Cốt nền xây dựng công trình: +0,00 m (so với cốt sân nền +0,0m tương ứng cao độ +3,5m hệ cao độ Hải đồ).
  - Chiều cao công trình: 2,19 m (tính từ cốt sân nền + 0,0m).
  - Số tầng: 01.

#### **2.5. Công trình số 5: Trạm cắt (Ký hiệu số 21)**

- Theo các bản vẽ thiết kế có ký hiệu: TT-01, TT-02, TC-01÷TC-06, TC-CD-02÷TC-CD-03, DIEN 09.
- Diện tích xây dựng: 388 m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn: 388 m<sup>2</sup>.
- Cốt nền xây dựng công trình: +0,45 m (so với cốt sân nền +0,0m tương ứng cao độ +3,5m hệ cao độ Hải đồ).
- Chiều cao công trình: 8,27 m (tính từ cốt sân nền +0,0m).
- Số tầng: 01.

#### **2.6. Công trình số 6: Nhà trạm bơm, bể cấp nước cứu hoả (Ký hiệu số 16)**

- \* Hạng mục nhà trạm bơm
  - Theo các bản vẽ thiết kế có ký hiệu: TT-01, TT-02, TB-KT-01÷TB-KT-03, TB-KC-01÷TB-KC-03, TB-CD-02, TB-CN-01.
  - Diện tích xây dựng: 47,5 m<sup>2</sup>.
  - Tổng diện tích sàn: 47,5 m<sup>2</sup>.
  - Cốt nền xây dựng công trình: +0,45 m (so với cốt sân nền +0,0m tương ứng cao độ +3,5m hệ cao độ Hải đồ).
  - Chiều cao công trình: 4,15 m (tính từ cốt sân nền +0,0m).
  - Số tầng: 01.
- \* Hạng mục bể cấp nước cứu hoả
  - Theo các bản vẽ thiết kế có ký hiệu: TT-01, TT-02, BN-01÷BN-06.
  - Diện tích xây dựng: 174 m<sup>2</sup>.
  - Tổng diện tích sàn: 174 m<sup>2</sup>.

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,1 m (so với cốt sân nền +0,0m tương ứng cao độ +3,5m hệ cao độ Hải đồ).

- Chiều cao công trình: 3,5 m (tính từ cốt sân nền +0,0m).

- Chiều sâu công trình: - 2,2 m (tính từ cốt sân nền +0,0m)

- Số tầng: 01.

### **2.7. Công trình số 7: Nhà chứa rác**

\* Nhà chứa rác thải 1 (Ký hiệu số 18)

- Theo các bản vẽ thiết kế có ký hiệu: TT-01, TT-02, NCR1-01÷NCR1-04, NCR1-CD-01.

- Diện tích xây dựng: 37,5 m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: 37,5 m<sup>2</sup>.

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,2 m (so với cốt sân nền +0,0m tương ứng cao độ +3,5m hệ cao độ Hải đồ).

- Chiều cao công trình: 5,00 m (tính từ cốt sân nền +0,0m).

- Số tầng: 01.

\* Nhà chứa rác thải 2 (Ký hiệu số 19)

- Theo các bản vẽ thiết kế có ký hiệu: TT-01, TT-02, NCR2-01÷NCR2-04.

- Diện tích xây dựng: 80,0 m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: 80,0 m<sup>2</sup>.

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,2 m (so với cốt sân nền +0,0m tương ứng cao độ +3,5m hệ cao độ Hải đồ).

- Chiều cao công trình: 4,14 m (tính từ cốt sân nền +0,0m).

- Số tầng: 01.

### **2.8. Công trình số 8: Trạm xử lý nước thải (Ký hiệu số 17A)**

- Theo các bản vẽ thiết kế có ký hiệu: TT-01, TT-02, TXLNT-01÷TXLNT-05, TXLNT-KC-15÷TXLNT-KC-19, TXLNT-KC-32.

- Diện tích xây dựng: 154,5 m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: 154,5 m<sup>2</sup>.

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,0 m (so với cốt sân nền +0,0m tương ứng cao độ +3,5m hệ cao độ Hải đồ).

- Chiều cao công trình: 0,5 m (tính từ cốt sân nền +0,0m, bể xử lý nước thải 1).

- Chiều cao công trình: 1,5 m (tính từ cốt sân nền +0,0m, bể xử lý nước thải 2).

- Chiều sâu công trình: - 3,9m (tính từ cốt sân nền +0,0m, bể xử lý nước thải 1).

- Chiều sâu công trình: - 2,5 m (tính từ cốt sân nền +0,0m, bể xử lý nước thải 2).

- Số tầng: 01.

## **2.9. Công trình số 09: Nhà bảo vệ (Ký hiệu số 13)**

### **\* Hạng mục nhà bảo vệ số 1**

- Theo các bản vẽ thiết kế có ký hiệu: TT-01, TT-02, NBV1-KT-01÷NBV1-KT-06, NBV1-KC-01÷NBV1-KC-03, NBV1-CD-01,
- Diện tích xây dựng: 84,4 m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn: 84,4 m<sup>2</sup>.
- Cốt nền xây dựng công trình: +0,45 m (so với cốt sân nền +0,0m tương ứng cao độ +3,5m hệ cao độ Hải đồ).
- Chiều cao công trình: 4,09 m (tính từ cốt sân nền +0,0m).
- Số tầng: 01.

### **\* Hạng mục nhà bảo vệ số 2**

- Theo các bản vẽ thiết kế có ký hiệu: TT-01, TT-02, NBV2-KT-01, NBV2-KT-02, NBV2-KC-01, NBV2-KC-02, NBV2-CD-01.
- Diện tích xây dựng: 12,4 m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn: 12,4 m<sup>2</sup>.
- Cốt nền xây dựng công trình: +0,25 m (so với cốt sân nền +0,0m tương ứng cao độ +3,5m hệ cao độ Hải đồ).
- Chiều cao công trình: 4,55 m (tính từ cốt sân nền +0,0m).
- Số tầng: 01.

## **10. Công trình số 10: Cổng cảng (Ký hiệu số 12)**

- Theo các bản vẽ thiết kế có ký hiệu: TT-01, TT-02, CONG-KT-01÷CONG-KT-07, CONG-KT-09, CONG-KC-01÷CONG-KC-04, CONG-KC-07÷CONG-KC-09, CONG-KC-30, CONG-KC-34÷CONG-KC-36, CONG-CD-03, CONG-CD-04.
- Diện tích xây dựng: 625,8 m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn: 625,8m<sup>2</sup>.
- Cốt nền xây dựng công trình: +0,30 m (so với cốt sân nền +0,0m tương ứng cao độ +3,5m hệ cao độ Hải đồ).
- Chiều cao công trình: 8,95 m (tính từ cốt sân nền +0,0m).
- Số tầng: 01.

## **3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất**

Quyết định số 16/QĐ-KKTCN ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp về việc cho Công ty Cổ phần Hàng hải Vsico thuê đất để thực hiện dự đầu tư xây dựng Bến tổng hợp - container số 4 và số 5 cảng Vsico Chân Mây, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế và Hợp đồng thuê đất ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp và Công ty Cổ phần Hàng hải Vsico.

## **4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Không.**

**5. Hiệu lực giấy phép:** Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Phú Lộc;
- Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH (CA tỉnh Thừa Thiên Huế);
- Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế;
- TB và PTB N.C.Bình;
- Các phòng: VP, QHXD, TNMT, ĐTDNLD;
- VPĐD KKT;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Trang thông tin điện tử BQL KKTCN;
- Lưu: VT, TH.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Công Bình**

## **Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này; thực hiện theo kiến nghị của Phòng Quy hoạch và Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 59/BCTĐ-QHXD ngày 01/4/2024.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

## **ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP**

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

.....

*Thừa Thiên Huế, ngày ..... tháng ..... năm 20....*

**TRƯỞNG BAN**